

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 945 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thu hồi, bổ sung kinh phí năm 2022**  
**đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*
- Căn cứ Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;*
- Căn cứ Quyết định số 2332/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 tỉnh Kiên Giang;*
- Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2022;*
- Căn cứ Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao số lượng người làm việc, hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế Hội có tính chất đặc thù năm 2021;*
- Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh;*



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 83/TTr-STC ngày 31 tháng 3 năm 2022.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi, bổ sung kinh phí năm 2022 đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Cụ thể như sau:

1. Thu hồi, bổ sung kinh phí quản lý hành chính trong các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước:

a) Thu hồi kinh phí đã giao cho Sở Tài chính tại Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang. Tổng kinh phí thu hồi: 204.000.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu đồng).

b) Bổ sung khoản kinh phí thu hồi tại điểm a, khoản 1 Điều này cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Thu hồi, bổ sung kinh phí sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thu hồi kinh phí sự nghiệp đã giao tại Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang đối với các đơn vị có biên chế điều chỉnh giảm theo phụ lục kèm theo Quyết định này. Tổng kinh phí thu hồi: 8.583.000.000 đồng (tám tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu đồng).

b) Bổ sung khoản kinh phí sự nghiệp thu hồi tại điểm a, khoản 2 Điều này đối với các đơn vị được giao tăng biên chế theo phụ lục kèm theo Quyết định này. Tổng kinh phí bổ sung: 654.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi bốn triệu đồng).

3. Lý do thu hồi, bổ sung: phù hợp với số lượng biên chế được giao tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang, Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang và Công văn số 379-CV/BTCTU ngày 18/11/2021 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Căn cứ kinh phí bổ sung, thu hồi; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị theo phụ lục kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Kiên Giang và các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước.

2. Các nội dung không được quy định tại Quyết định này, được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

3. Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính thông báo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách và kiểm tra việc thực hiện chi ngân sách theo luật định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có tên trong phụ lục kèm theo tại Điều 1; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / . 2022

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 của QĐ;
- TV UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nhân**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**THU HÒI, BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2022 ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 945 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Biên chế được giao tại Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 và Công văn số 1658-CV/BTCTU ngày 06/10/2020 (người)	Biên chế được giao tại Quyết định số 2724/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 và Công văn số 79-CV/BTCTU ngày 18/11/2021 (người)	Số biên chế chênh lệch/giảm/tăng (người)	Tổng kinh phí thu hồi/bổ sung kinh phí sự nghiệp (triệu đồng)	Trong đó			Ghi chú
						Chi con người	Chi công việc	Tiền công Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP	
A	B	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
<b>A</b>	<b>KINH PHÍ THU HỒI</b>	<b>11.789</b>	<b>11.519</b>	<b>270</b>	<b>8.583</b>	<b>6.615</b>	<b>1.968</b>		
1	Văn phòng UBND tỉnh	30	19	11	865	568	297		
2	Sở Tư pháp	22	21	1	79	52	27		
3	Sở Văn hóa và Thể thao	170	166	4	315	207	108		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	618	605	13	1.023	672	351		
5	Sở Giao thông vận tải	31	30	1	79	52	27		
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	62	61	1	52	52			
7	Sở Y tế	6.665	6.523	142					Định mức phân bổ chi thường xuyên cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh theo giường bệnh
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.448	3374	74	4.631	3.824	807		



STT	Nội dung	Biên chế được giao tại Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 và Công văn số 1658-CV/BTCTU ngày 06/10/2020 (người)	Biên chế được giao tại Quyết định số 2724/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 và Công văn số 79-CV/BTCTU ngày 18/11/2021 (người)	Số biên chế chênh lệch/giảm/tăng (người)	Tổng kinh phí thu hồi/bổ sung kinh phí sự nghiệp (triệu đồng)	Trong đó			Ghi chú
						Chi con người	Chi công việc	Tiền công Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP	
9	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	22	21	1	79	52	27		
10	Vườn Quốc gia U Minh Thượng	57	55	2	157	103	54		
11	Vườn Quốc gia Phú Quốc	100	98	2	157	103	54		
12	Trường Cao đẳng Sư phạm	117	111	6	472	310	162		
13	Trường Cao đẳng Nghề	91	89	2	103	103			
14	Trường Cao đẳng Kiên Giang	287	279	8	413	413			
15	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	24	23	1	79	52	27		
16	Trường Chính trị	45	44	1	79	52	27		
<b>B</b>	<b>KINH PHÍ BỔ SUNG</b>	<b>24</b>	<b>33</b>	<b>9</b>	<b>654</b>	<b>465</b>	<b>189</b>	<b>-</b>	
<b>D)</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>24</b>	<b>33</b>	<b>9</b>	<b>654</b>	<b>465</b>	<b>189</b>		
1	Sở Nội vụ	9	16	7	551	362	189		
2	Sở Thông tin và Truyền thông	15	17	2	103	103			

